

Số: 01/2026/QĐST-VLĐ

Phú Thọ, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Liên.

Thư ký phiên họp: Ông Dương Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên họp: Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 01/2026/TLST-VLĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 01/2026/QĐST-VLĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981; số căn cước công dân 026181009600 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021 (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: **C, C, tổ L, khu phố A, phường T, thành phố Đ.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981; số căn cước công dân 026181011751 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/9/2021 (có mặt).

Địa chỉ: **Thôn M, xã V, tỉnh Phú Thọ.**

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Duy P** – Giám đốc.

Địa chỉ: **Số C, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Xuân T** – Giám đốc bảo hiểm xã hội **cơ sở V**; số căn cước công dân 025075000575 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022 (theo Giấy ủy quyền số 1797/GUQ-BHXXH ngày 23 tháng 7 năm 2026) (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3. **Công ty TNHH M**; Địa chỉ: **Khu Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị Thanh H1** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đào Thị Thanh H2**, sinh năm 1989 – Nhân viên Kế toán **Công ty TNHH M**; số căn cước công dân 026189001183 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/9/2021 (Theo Giấy ủy số 06/GUQ-VT26 ngày 23/7/2026) (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn C, xã V, tỉnh Phú Thọ**.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

*Theo đơn yêu cầu đề ngày 17/7/2026 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người yêu cầu chị **Nguyễn Thị H** trình bày:*

Chị **Nguyễn Thị H** và chị **Nguyễn Thị N** là chị em ruột. Khoảng đầu năm 2012, chị **Nguyễn Thị N** có nhu cầu xin việc tại **Công ty TNHH M** nên mượn Chứng minh nhân dân cùng một số giấy tờ tùy thân của chị **H** để lập hồ sơ xin việc. Do là chị em trong gia đình nên chị **H** đồng ý cho mượn giấy tờ và không biết việc này sẽ dẫn đến hậu quả pháp lý.

Sau khi cho chị **N** mượn giấy tờ, chị **H** không trực tiếp nộp hồ sơ xin việc, không tham gia tuyển dụng, không ký Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012, không làm việc tại **Công ty TNHH M**, không được Công ty trả lương hoặc giải quyết bất kỳ chế độ nào của người lao động.

Đến khoảng tháng 7 năm 2025, chị **Nguyễn Thị N** giao sổ bảo hiểm xã hội mang tên chị **H** để chị thực hiện thủ tục gộp sổ bảo hiểm xã hội. Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo chị **H** có hai mã số bảo hiểm xã hội, trong đó ngoài mã số bảo hiểm xã hội 4707143547 ghi nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của chị từ tháng 9 năm 2007 đến nay (chị tham gia đóng bảo hiểm tại **Công ty C**) còn có mã số bảo hiểm xã hội 2612200613 ghi nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 9 năm 2013 tại **Công ty TNHH M**.

Chị **H** xác định mình không phải là người giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH M**, không có ý chí xác lập quan hệ lao động với Công ty nên yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012 được giao kết giữa **Công ty TNHH M** với người đứng tên **Nguyễn Thị H** là vô hiệu toàn bộ. Chị không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị N** trình bày:* Chị **Nguyễn Thị N** xác nhận khoảng đầu năm 2012 do có nhu cầu xin việc tại **Công ty TNHH M** nên đã mượn Chứng minh nhân dân và một số giấy tờ tùy thân của chị **Nguyễn Thị H** để lập hồ sơ xin việc.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, chị là người trực tiếp tham gia tuyển dụng và làm việc tại **Công ty TNHH M**. Việc sử dụng hồ sơ của chị **H** là do nhận thức pháp luật còn hạn chế, không nhằm mục đích xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp

của chị H. Đến khi phát hiện việc trùng quá trình tham gia bảo hiểm xã hội mang tên chị Nguyễn Thị H, chị đã giao sổ bảo hiểm xã hội cho chị H để thực hiện thủ tục với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012 vô hiệu, chị đồng ý, không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M trình bày: Công ty TNHH M xác nhận có ký Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012 với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 và đóng bảo hiểm xã hội cho chị H với mã bảo hiểm xã hội số 2612200613 trong thời gian từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 9 năm 2013.

Đối với việc chị Nguyễn Thị N mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị H để ký kết hợp đồng lao động, công ty không được biết. Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật; ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu, đề nghị nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ trình bày: Qua kiểm tra dữ liệu quản lý, Bảo hiểm xã hội xác định có hai mã số bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị H, cùng ngày sinh 08/5/1981 nhưng có thông tin nhân thân và quá trình tham gia bảo hiểm khác nhau.

Mã số 2612200613 tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH M từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2013; mã số 4707143547 tham gia bảo hiểm tại Công ty C từ tháng 9/2007 đến nay. Việc phát sinh tham gia bảo hiểm được thực hiện trên cơ sở hồ sơ do đơn vị sử dụng lao động lập, cơ quan Bảo hiểm xã hội không biết việc mượn hồ sơ giữa chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị N. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh M nhận thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH M với người đứng tên Nguyễn Thị H vô hiệu là có căn cứ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tại phiên họp sơ thẩm về việc giải quyết việc lao động: Trong quá trình giải quyết việc lao động và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét phiên họp cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ việc: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; các điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị **Nguyễn Thị H.** Tuyên bố: Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012 được ký kết giữa chị **Nguyễn Thị H** và **Công ty TNHH M** trong thời gian từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 09 năm 2013 với mã bảo hiểm xã hội số 2612200613 là vô hiệu. Đề nghị giải quyết về lệ phí việc lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị H** có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012 được ký kết với **Công ty TNHH M**, có địa chỉ tại **khu Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ** vô hiệu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 33; Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu chị **Nguyễn Thị H**, đại diện theo ủy quyền của **Công ty TNHH M** và đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm **xã hội tỉnh M** có đơn đề nghị Tòa án xét đơn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người này là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung yêu cầu: Chị **Nguyễn Thị H** yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012 được giao kết giữa **Công ty TNHH M** và người đứng tên **Nguyễn Thị H** vô hiệu toàn bộ với lý do chị không trực tiếp giao kết, không làm việc tại Công ty, việc sử dụng thông tin nhân thân của chị để giao kết hợp đồng là do chị **Nguyễn Thị N** mượn giấy tờ để xin việc.

Xét yêu cầu của chị **H**, Hội đồng giải quyết việc lao động thấy rằng: Quá trình giải quyết việc lao động, chị **Nguyễn Thị H** trình bày đầu năm 2012 chị **Nguyễn Thị N** là chị gái ruột có mượn Chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân của chị để làm hồ sơ xin việc tại **Công ty TNHH M**. Sau khi cho mượn giấy tờ, chị **H** không trực tiếp nộp hồ sơ, không tham gia tuyển dụng, không ký kết hợp đồng lao động, không làm việc tại Công ty và không hưởng bất kỳ quyền lợi nào của người lao động. Đến năm 2025, khi thực hiện thủ tục góp sổ bảo hiểm xã hội, chị mới biết thông tin cá nhân của mình được sử dụng để giao kết hợp đồng lao động.

Lời trình bày của chị **H** phù hợp với lời khai của chị **Nguyễn Thị N**. Chị **N** thừa nhận đã mượn giấy tờ của chị **H** để lập hồ sơ xin việc, trực tiếp tham gia

tuyển dụng và làm việc tại Công ty từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2013; đồng thời xác nhận việc sử dụng giấy tờ của chị H chỉ nhằm mục đích xin việc và thống nhất với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Ý kiến của Công ty TNHH May mặc Việt Thiên và Bảo hiểm xã hội tỉnh M cũng thống nhất xác định việc tuyển dụng được thực hiện trên cơ sở hồ sơ mang tên Nguyễn Thị H; Công ty không biết người trực tiếp làm việc là chị Nguyễn Thị N sử dụng giấy tờ của chị H. Bảo hiểm xã hội xác định người thực tế làm việc tại Công ty trong thời gian từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2013 là chị Nguyễn Thị N và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị Nguyễn Thị H không phải là người trực tiếp giao kết và thực hiện Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012. Người đứng tên trên hợp đồng và người thực tế xác lập, thực hiện quan hệ lao động là hai chủ thể khác nhau.

Quan hệ lao động chỉ được xác lập hợp pháp khi được giao kết trên cơ sở tự nguyện, trung thực giữa đúng người lao động và người sử dụng lao động. Việc chị Nguyễn Thị N sử dụng giấy tờ nhân thân của chị Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 và nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019; đồng thời phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 của Bộ L về trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động. Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, tuyên bố Hợp đồng lao động số 1702/HĐLĐ ngày 01/7/2012 được giao kết giữa Công ty TNHH M với người đứng tên Nguyễn Thị H vô hiệu toàn bộ.

[4] Về hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu: Người yêu cầu chỉ đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu. Chị Nguyễn Thị N, Công ty TNHH May mặc Việt Thiên và Bảo hiểm xã hội tỉnh M đều không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc lao động sơ thẩm theo quy định.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tại phiên họp có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; các điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị **Nguyễn Thị H.**

Tuyên bố hợp đồng lao động số 1702/HDLĐ được ký kết ngày 01/7/2012 giữa **Công ty TNHH M** và chị **Nguyễn Thị H** vô hiệu toàn bộ.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Lệ phí giải quyết việc lao động sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000685 ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Liên